TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-Bản án số: **115/**2024/DS-ST
-Ngày: 03/5/2024
-V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng cầm cố tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Tài**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Hoàng Hoa**
2. Ông **Châu Văn Bình**

- *Thư ký phiên tòa*: bà **Trần Thị Huyền Trân -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện C;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 379/2023/TLST- DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng cầm cố tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1983** (có mặt)

Địa chỉ: số 36/1, Tổ 12, ấp Tân H, xã Tân H, huyện Châu T, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1986** (vắng mặt)

Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp An T, xã Mỹ T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy H trình bày:*

Ngày 13/01/2021, bà D và con gái là chị L có vay của chị số tiền 90.000.000 đồng, thời gian vay 01 tháng, lãi suất 3%/tháng. Khi vay tiền, chị L có cầm quyền

sổ bảo hiểm xã hội do chị L đứng tên, khi chị L trả xong nợ, chị sẽ trả lại cho chị L nhưng thời gian gần đây, chị đã trả lại chị L quyển sổ này.

Khi vay, chị L và bà D có ký tên Hợp đồng cho vay tiền và Hợp đồng cầm cố tài sản giao chị giữ.

Khi vay các bên thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng nhưng đến hẹn, bà D và chị L không trả nợ và kéo dài đến nay. Nay chị khởi kiện yêu cầu bà D và chị L liên đới trả số tiền vay 90.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử tính tròn là 39 tháng, lãi suất 1.66%/tháng, thành tiền 58.266.000 đồng, tính tròn là 58.200.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 148.200.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn Trần Thị Ngọc D và Trần Thị Ngọc L vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D và chị L có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền nợ đã vay 90.000.000 đồng và tiền lãi; chị H có cầm của chị L 01 quyền sổ Bảo hiểm xã hội mang tên chị Trần Thị Ngọc L nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng cầm cố tài sản*" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện C nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C và được xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Dân sự cùng các quy định pháp luật khác có liên quan.

[2] Bị đơn Trần Thị Ngọc D, Trần Thị Ngọc L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D và chị L liên đới trả lại số tiền vay còn nợ là 90.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị H cung cấp bản chính "Hợp đồng cho vay tiền ngày 13/01/2021" với nội dung thể hiện bà D và chị L có vay của chị H số tiền 90.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng; có chữ ký tên, họ tên của chị L, dấu lăn tay của bà D là bên vay và chữ ký tên, họ tên của chị H phía bên cho vay.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Thị Ngọc D, Trần Thị Ngọc L được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện cũng như không cung cấp

tài liệu, chứng cứ chứng minh không có nợ chị H số nợ trên nên phải chịu hậu quả pháp lý do việc không chứng minh này.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở khẳng định bà Trần Thị Ngọc D và chị Trần Thị Ngọc L có vay tiền và còn nợ chị H số tiền vốn 90.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận vay trong 01 tháng kể từ ngày vay tiền sẽ trả lại nhưng khi đến hạn trả, bà D và chị L không trả nợ cho chị H và kéo dài đến nay là vi phạm nghĩa vụ của bên vay do đó chị H khởi kiện yêu cầu bà D và chị L liên đới trả số nợ 90.000.000 đồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tính đến thời điểm xét xử vụ án và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc bà D và chị L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền vay còn nợ là 90.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu tính tiền lãi:

Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, chị H khởi kiện yêu cầu bà D và chị L có nghĩa vụ trả lại số tiền còn nợ là 90.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/01/2021 đến ngày xét xử tính tròn là 39 tháng, lãi suất 1.66%/tháng, thành tiền 58.266.000 đồng nhưng chị H tính tròn là 58.200.000 đồng.

Xét thấy, bà D và chị L đã vi phạm thỏa thuận và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay do đó chị H yêu cầu tính lãi đối với số tiền bà D và chị L còn nợ với mức lãi suất và thời gian chậm trả nêu trên là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà D và chị L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi nêu trên cho chị H.

[5] Về thời gian trả tiền:

Chị H yêu cầu bà D và chị L trả số tiền nợ nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, bà D và chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, chị H không đồng ý cho trả dần do đó nếu bà D và chị L trả dần sẽ kéo dài thời gian trả nợ làm thiệt thòi quyền, lợi ích hợp pháp cho chị H nên việc chị H yêu cầu trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc bà D và chị L có nghĩa vụ liên đới trả số nợ trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Đối với Hợp đồng cầm cố tài sản:

Khi khởi kiện, chị H có cầm của chị L và bà D 01 quyển sổ bảo hiểm xã hội số 8211029266 mang tên Trần Thị Ngọc L để đảm bảo khoản nợ 90.000.000 đồng. Khi trả hết nợ, chị H sẽ trả lại quyển sổ bảo hiểm này.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H trình bày đã trả lại chị L 01 quyển sổ bảo hiểm xã hội này. Quá trình giải quyết vụ án, chị L và bà D vắng mặt và không có tranh chấp và cũng không có yêu cầu đối với quyển sổ bảo hiểm xã hội này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

[8] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** <u>Xử:</u> Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy H.**

1. Bà Trần Thị Ngọc D và chị Trần Thị Ngọc L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền vốn vay 90.000.000 đồng và 58.200.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 148.200.000 đồng (*Một trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng*), trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi chị Nguyễn Thị Thúy H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Ngọc D và chị Trần Thị Ngọc L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Trần Thị Ngọc D và chị Trần Thị Ngọc L có nghĩa vụ liên đới chịu 7.410.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền 4.342.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026354 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI HÒA XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Cc. THADS huyện C;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn;

Phạm Văn Tài